

Số: 146/2023/QĐST-HNGĐ

Tháp Mười, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981.

Căn cước công dân số 087181016884, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2022 cấp.

Nơi thường trú: Tổ 5, khóm 1, phường 2, thành phố C, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Trần Hữu Đ, sinh năm 1982.

Căn cước công dân số 087082008608, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/08/2021 cấp.

Nơi thường trú: Tổ 39, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Hữu Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Hữu Đ tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 02/8/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị.

Chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Đ là người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị H.

2.3. Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp đủ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002276 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị H được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND phường 2, thành phố Cao Lãnh (GCNKH số 59 ngày 14/9/2007)
- Lưu: HSVA, VP, (Búp).

THẨM PHÁN
(đã ký)
Trần Văn Kiến